

Bản án số: 20/2023/HSST

Ngày 30/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI – TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Hoàng Thị Thanh Tú.

2, Bà Bùi Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bảo Thanh Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2022/HSST, ngày 30/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/QĐXXST- HS, ngày 16/12/2022, đối với bị cáo:

Bùi Đức D, sinh ngày 18/9/1982, tại Phú Thọ;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm X, xã S, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Bùi Đức C và bà Trịnh Thị C; có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1993 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1999 bị Công an thành phố Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 50.000^d về hành vi “Trộm cắp tài sản”; năm 2000 bị Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”; ngày 25/10/2000 bị TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 18 tháng thử thách về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 14/3/2001 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng

hợp hình phạt với bản án số 140/HSST ngày 25/10/2000 của TAND thành phố Thái Nguyên, buộc Bùi Đức D phải chấp hành hình phạt là 21 tháng tù; ngày 18/10/2004 bị TAND tỉnh Thái Nguyên xử phạt 08 năm tù về tội “*Hiếp dâm trẻ em*”; ngày 30/10/2022 bị TAND thành phố Thái Nguyên xử phạt 40 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”; bị bắt tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 15/9/2022 được tại ngoại, hiện đang chấp hành án trong một vụ án khác – Có mặt tại phiên toà.

** Người bị hại:*

Bà Trần Thị N, sinh năm 1986;

Trú tại: Tổ X, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn – Vắng mặt tại phiên toà (có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1992;

Trú tại: Xóm Y, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên – Vắng mặt tại phiên toà (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/9/2022 Bùi Đức D từ nhà đi lên Bắc Kạn để đi mời chào khách mua hàng vàng mã, hương của gia đình D sản xuất. Khi đến khu vực ngã ba Yên Đĩnh, thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, D xuống xe, sau đó đến xem và chơi Bi-A. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, D không chơi nữa và đi bộ dọc đường Quốc lộ 3 hướng Chợ Mới – Thái Nguyên để đón xe đi về nhà, khi đi đến đoạn đường có cửa hàng Thế giới di động huyện Chợ Mới, D nhìn thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh BKS 97B1-351.xx của bà Trần Thị N dựng ở trước cửa nhà, có cắm sẵn chìa khóa ở ổ khóa điện nên đã thực hiện hành vi lấy trộm chiếc xe mô tô trên, nổ máy, điều khiển đi đến khu vực B thuộc xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, vào cửa hàng cầm đồ D. L bán chiếc xe mô tô này (kèm theo 01 đăng ký xe ở trong cốp xe) cho anh Nguyễn Anh T với số tiền 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*), sau đó D đã tiêu dùng hết số tiền trên vào mục đích cá nhân. Đến ngày 06/9/2022, D biết thông tin Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới đang điều tra, xác minh làm rõ vụ trộm cắp tài sản do D thực hiện nên D đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới để đầu thú và khai rõ toàn bộ diễn biến quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số 40 ngày 08/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Chợ Mới xác định, giá trị của chiếc xe mô tô nhãn

hiệu Honda Vision có BKS 97B1-351.xx mà Bùi Đức D chiếm đoạt là 5.672.000^d (Năm triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Với các hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 59/CT-VKS, ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Bùi Đức D về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173/BLHS.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Đức D phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 50; Điều 38/BLHS, xử phạt bị cáo Bùi Đức D từ 06 tháng đến 09 tháng tù, tổng hợp hình phạt với bản án số 395/HSST, ngày 30/9/2022 của TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Bùi Đức D 40 tháng tù về tội "*Đánh bạc*". Buộc bị cáo Bùi Đức D phải chấp hành chung cho cả hai bản án từ 46 đến 49 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/02/2022 đến ngày 15/02/2022 và từ ngày 06/9/2022 đến ngày 15/9/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình tranh luận: Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập:

Các hành vi, quyết định tố tụng và các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 04/9/2022, tại khu vực tổ X, thị trấn Đ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, Bùi Đức D đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh BKS: 97B1-351.xx cùng 01 đăng ký xe mô tô của bà Trần Thị N có trị giá là 5.672.000^d (Năm triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Đức D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tổng hợp các chứng cứ lại, đánh giá diễn biến khách quan của vụ án thấy việc truy tố, xét xử bị cáo Bùi Đức D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo Bùi Đức D có nhân thân rất xấu, năm 1999 bị Công an thành phố Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; năm 2000 bị Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt cảnh cáo về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; năm 2000 bị TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 18 tháng thử thách về tội “*Trộm cắp tài sản*”; năm 2001 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt với bản án số 140/HSST ngày 25/10/2000, buộc Bùi Đức D phải chấp hành hình phạt là 21 tháng tù; ngày

18/10/2004 bị TAND tỉnh Thái Nguyên xử phạt 08 năm tù về tội “*Hiếp dâm trẻ em*”; năm 2022 Bùi Đức D bị TAND thành phố Thái Nguyên xử phạt 40 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Bởi vậy cần phải có một mức án thật nghiêm khắc mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và cộng đồng xã hội; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*”, “*Thành khẩn khai báo*” và “*Đầu thú*” được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS.

Do bản án số 395/HSST ngày 30/9/2022 của TAND thành phố Thái nguyên xử phạt bị cáo 40 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” đã có hiệu lực pháp luật, do vậy cần tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[4] *Hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng và nguồn thu nhập ổn định nào, khi áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền thì không có tính khả thi, vì vậy không áp dụng đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Do bị hại bà Trần Thị N đã nhận lại được tài sản là chiếc xe mô tô BKS 97B1-351.xx và giấy đăng ký xe; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T đã được bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*) nên bà N và ông T không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố*: Bị cáo Bùi Đức D phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38/ BLHS.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Đức D 08 (Tám) tháng tù. Tổng hợp với bản án số 395/HSST, ngày 30/9/2022 của TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Bùi Đức D 40 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Buộc bị cáo Bùi Đức D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 48 (Bốn tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án 12/12/2022, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/02/2022 đến ngày 15/02/2022 và từ ngày 06/9/2022 đến ngày 15/9/2022.

2. *Về án phí:* - Áp dụng điều 136/BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo Bùi Đức D phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSND huyện;
- CQTHAHS Công an huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Bị cáo, bị hại; người liên quan
- Hồ sơ, lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vi Hồng Lễ

